

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 4 - 2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Nam và ông Phạm Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Trung T, sinh năm 1962; địa chỉ: 14/10B ấp 2, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Phương Th, sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện nay bà Vũ Thị Phương Th đang ở Đ, không rõ địa chỉ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Phương Th để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2020, ý kiến của bị đơn tại văn bản ngày 26/02/2020, lời khai của ông Huỳnh Trung T và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Trung T và bà Vũ Thị Phương Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, quận G, thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/8/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống với nhau khoảng 04 đến 05 tháng, do điều kiện kinh tế khó khăn, bà Th bỏ đi làm ăn không về chung sống với ông T, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2010 đến nay. Vợ chồng ông bà không có con chung, tài sản chung.

- Ý kiến của ông Huỳnh Trung T như sau:

Chị Th bỏ đi làm ăn ở đâu ông T không biết, ông đã tìm nhiều lần nhưng không biết tin tức ở đâu, không có thông tin liên lạc với chị Th. Năm 2019 ông T về quê chị Th tại Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam để tìm chị Th thì được biết chị Th hiện nay đang ở Đ nhưng không có địa chỉ cụ thể. Ông T cho rằng vợ chồng đã sống ly thân khoảng 10 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với chị Th.

- Ý kiến của bà Vũ Thị Phương Th như sau:

+ Sau khi kết hôn vì một số lý do bà Vũ Thị Phương Th và ông Huỳnh Trung T không chung sống với nhau; do điều kiện kinh tế khó khăn, bà Th đã đi lao động ở Đ (Trung Quốc) hơn 08 năm nay. Nay bà Th xác nhận tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn và nhất trí ly hôn với ông T. Vì điều kiện ở xa, không thể về tham dự phiên tòa được, bà Th xin được xét xử vắng mặt.

+ Về giao nhận văn bản tố tụng: Bà Vũ Thị Phương Th đề nghị mọi thủ tục tố tụng của Tòa án gửi về cho chị gái là bà Vũ Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ ở thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

\* Tại phiên tòa:

- Ông Huỳnh Trung T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn bà Vũ Thị Phương Th. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Ý kiến của bà Vũ Thị T như sau: Chị Vũ Thị Phương Th là em gái bà, đi lao động tại Đ khoảng 08 năm nay. Khoảng tháng 3 năm 2018 chị Th về Việt Nam vì khi đó mẹ đẻ ốm nặng, sau đó chị Th quay trở lại Đ sinh sống đến nay. Từ đó đến nay thỉnh thoảng chị em có thông tin với nhau, chị Th đã có ý kiến đồng ý ly hôn anh Trục là quyền của của chị Th, bà không có ý kiến gì. Bà Thanh cam đoan thông tin văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Th.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Vợ chồng ông T, bà Th đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, chứng tỏ mục

đích hôn nhân không đạt được. Ông T, bà Th đều tự nguyện ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Trung T và bà Vũ Thị Phương Th. Về án phí ly hôn sơ thẩm ông T phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Vũ Thị Phương Th đang ở Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Do ông Huỳnh Trung T không rõ địa chỉ nơi cư trú của bà Th, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho thân nhân của bà Th là bà Vũ Thị T (chị gái bà Th). Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử xác định bà Vũ Thị Phương Th thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Bà Th đã có ý kiến bằng văn bản xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Trung T và bà Vũ Thị Phương Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, quận G, thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/8/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân khoảng 10 năm nay, không chung sống cùng nhau, điều đó chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông T và bà Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Ông Huỳnh Trung T và bà Vũ Thị Phương Th không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Huỳnh Trung T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55

Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Trung T và bà Vũ Thị Phương Th.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Huỳnh Trung T phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004873 ngày 11/02/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, ông T đã nộp đủ.

Ông Huỳnh Trung T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Vũ Thị Phương Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND phường 1, quận G,  
TP Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Quốc Trường**